

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 8 - 2025
Về việc Ly hôn và tranh chấp về con
chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Mạnh

Ông Doãn Văn Sáng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thanh Thủy -Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn và con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2025/QĐST-HGND, ngày 06 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Hồng N, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ dân phố 4, phường Thiên Hương, thành phố Hải Phòng. vắng mặt (Có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Huy T, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ dân phố 4, phường Thiên Hương, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nhung và anh Nguyễn Huy T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thiên Hương (nay là phường Thiên Hương), Hải Phòng vào năm 2007 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau cưới chị Nhung và anh Trang sinh sống làm ăn tại phường Thiên Hương từ đó đến nay. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2024 phát sinh

hiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm không còn tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên to tiếng với nhau. Hiện nay chị Nhung đã sống ly thân anh Trang, nay chị Nhung nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn yêu thương nhau nên đề giải phóng cho nhau, chị Nhung xin được ly hôn anh Trang.

Về con chung: Chị Nhung và anh Trang có 02 con chung tên: Nguyễn Ngọc Trâm, sinh năm 2008; Nguyễn Ngọc Khánh, sinh năm 2011. Khi ly hôn quan điểm của chị Nhung căn cứ nguyện vọng của các con, hai con chung có nguyện vọng ở với ai chị đều đồng ý.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị Nhung trình bày đề hai bên thoả thuận giao nhận cho nhau không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nhung trình bày chị và anh Trang có tài sản chung đề hai bên tự thoả thuận, nếu không xong sẽ đề nghị Toà án giải quyết sau.

Bị đơn là anh Nguyễn Huy T vắng mặt tại phiên toà, song đã có lời khai trong hồ sơ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trang thống nhất với bản tự khai của chị Nhung về thời gian và điều kiện kết hôn. Về thời gian phát sinh mâu thuẫn, anh Trang trình bày quá trình chung sống đến năm 2021 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng đã cãi vã nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đã sống ly thân nhau 2 năm nay, vợ chồng không còn quan tâm thương yêu nhau nữa. Nay chị Nhung có đơn xin ly, anh Trang mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung, trường hợp chị Nhung quyết tâm anh đồng ý để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Anh Trang và chị Nhung có 02 con chung tên: Nguyễn Ngọc Trâm, sinh năm 2008; Nguyễn Ngọc Khánh, sinh năm 2011. Khi ly hôn anh Trang đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh Trang đề hai bên thoả thuận giao nhận cho nhau không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh Trang trình bày không có

Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định về ra Thông báo thụ lý vụ án, bảo đảm về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc lập hồ sơ vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham

gia tố tụng, việc giao nộp và yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ, xác minh, cấp tổng đạt và tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã đảm bảo tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án, đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tại Điều 70, 72 và Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Tòa án; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xử Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Hồng N được ly hôn anh Nguyễn Huy T; Về con chung: Giao cả hai con chung tên Nguyễn Ngọc Trâm, sinh ngày 21/12/2008 và Nguyễn Ngọc Khánh, sinh ngày 23/3/2011 cho chị Phạm Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung tên Nguyễn Ngọc Trâm, Nguyễn Ngọc Khánh trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Về án phí: Chị Phạm Hồng N phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Nguyên đơn chị Phạm Hồng N vắng mặt, song có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Huy T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Xét quan hệ hôn nhân Căn cứ vào bản tự khai của các đương sự và tài liệu xác minh tại địa phương. Xét chị Phạm Hồng N và anh Nguyễn Huy T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài từ năm 2021

đến nay. Nay chị Nhung khẳng định vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ hạnh phúc được xin được ly hôn anh Trang. Anh Trang mong muốn về đoàn tụ để nuôi dạy con chung, nếu chị Nhung quyết tâm ly hôn, anh Trang đồng ý. Quá trình giải quyết vụ việc Toà án đã ra thông báo hoà giải đến lần thứ 2 nhưng anh Trang đều vắng mặt. Điều đó thể hiện anh Trang không thiện trí hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nhung và anh Trang đã kéo dài, trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Hồng N được ly hôn anh Nguyễn Huy T.

[3] Về con chung: Chị Nhung và anh Trang có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Trâm, sinh ngày 21/12/2008 và Nguyễn Ngọc Khánh, sinh ngày 23/3/2011.

Khi ly hôn quan điểm của chị Nhung đề nghị căn cứ nguyện vọng của các con, hai con chung có nguyện vọng ở với ai chị đều đồng ý. Anh Trang đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Cháu Nguyễn Ngọc Trâm và Nguyễn Ngọc Khánh có nguyện vọng được ở với mẹ Phạm Hồng N. Căn cứ Điều 82, 86 Luật Hôn nhân và gia đình để đảm bảo quyền lợi của con chung. Giao cho chị Phạm Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Trâm và Khánh.

- Về cấp dưỡng nuôi chung: Chị Nhung đề nghị để hai bên tự thoả thuận giao nhận cho nhau. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Nhung và anh Trang trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chị Phạm Hồng N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; **Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Tòa án**; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Hồng N được ly hôn anh Nguyễn Huy T.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung tên Nguyễn Ngọc Trâm, sinh ngày 21/12/2008 và Nguyễn Ngọc Khánh, sinh ngày 23/3/2011 cho chị Phạm Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung tên Nguyễn Ngọc Trâm, Nguyễn Ngọc Khánh trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Hồng N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010638, ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Hải Phòng). Chị Phạm Hồng N đã nộp đủ.

Bị đơn, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND khu vực 1- Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 1- Hải Phòng
- UBND phường Thiên Hương- Hải Phòng;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự